TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 04/2019/HC-GĐT
Ngày 27/02/2019
V/v : "Khiếu kiện thông báo thuế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có***:

Phó Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Nguyễn Văn Tiến và ông Phạm Việt Cường.

- *Thư ký phiên tòa:* Trần Thị Tố Nga -Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về "*Khiếu kiện thông báo thuế* ", giữa các đương sự:

Người khởi kiện: ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Thị X.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà X: bà Trần Thị T (Theo Văn bản ủy quyền ngày 19/6/2017).

Đều trú tại: tổ dân phố 5, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bị kiện: Chi cục thuế thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Văn T2 - Phó Chi cục trưởng (Theo Văn bản ủy quyền số 08/UQ-CCT ngày 22/8/2016).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn Xuân M, bà Nguyễn Thị X nguyên là cán bộ công nhân viên của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk. Ngày 25/4/1986, ông Nguyễn Xuân M được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh cấp cho 500m^2 đất để ở, sau đó bà X có đơn gửi Bộ chỉ huy quân sự tỉnh xin được khai hoang sử dung thêm một diện tích đất để sản xuất cải thiện đời sống được Bộ Chỉ huy quân sự đồng ý (không ghi rõ diện tích). Trên thực tế thì tổng diện tích ông M, bà X được Bộ Chỉ huy quân sự đồng ý cấp là 1.012m^2 (Có danh sách và sơ đồ kèm theo) ở Tổ dân phố 5, phường T1, thành phố B và đã sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Năm 2015, gia đình ông M và bà X làm thủ tục kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân phường T1 và Ủy ban nhân dân thành phố B đối với diện tích đất nói trên. Quá trình làm thủ tục thì các cơ quan này cho rằng diện tích đất mà gia đình ông M, bà X đang sử dụng đã có quy hoạch mở một con đường hẻm rộng 3m nên không thể cấp thành một thửa mà được tách thành 02 thửa, cụ thể:

Thửa đất số: 106, tờ bản đồ số 29 có diện tích 670,9m^2 (Đất ở: 300m^2; đất nông nghiệp: 370,9m^2).

Thửa đất số: 265, tờ bản đồ số 29 diện tích 373,5m^2, thửa đất này Ủy ban nhân dân phường T1 và Ủy ban nhân dân thành phố B cho rằng đất lấn chiếm nên không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau nhiều lần khiếu nại lên các cấp, đến ngày 13/01/2016 gia đình ông M nhận được thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế thành phố B đối với thửa đất 106, tờ bản đồ số 29 có diện tích 670,9m^2, số tiền phải nộp là 50.400.000 đồng.

Tại thông báo nộp tiền sử dụng đất được xác định nguồn gốc "Đất hợp thức hóa" nên gia đình ông M phải nộp 40%.

Đến ngày 25/5/2016, gia đình ông M lại nhận được thêm thông báo nộp tiền sử dụng đất đối với thửa 265, tờ bản đồ 29, diện tích 373,5m^2, số tiền phải nộp là 376.488.000 đồng xác định nguồn gốc "Đất hợp thức hóa" phải nộp 100% tiền sử dụng đất. Việc Ủy ban nhân dân phường T1 và Ủy ban nhân dân thành phố B cho rằng đất hợp thức hóa là không có cơ sở, đất gia đình ông M được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp năm 1986 (Có quyết định và danh sách kèm theo), gia đình ông M sử dụng từ đó đến nay không có ai tranh chấp.

Do vậy, ông M và bà X yêu cầu Tòa án hủy hai thông báo nộp tiền sử dụng đất:

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/01/2016 của Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/5/2016 của Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*** Người bị kiện trình bày:**

Việc Chi cục thuế thành phố B ban hành thông báo thuế ngày 13/01/2016 cho hộ ông Nguyễn Xuân M, bà Nguyễn Thị X đối với diện tích đất 670,9m^2 ở tổ dân phố 5, phường T1, thành phố B, tại thửa 106, tờ bản đồ số 29 là căn cứ vào phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính số 1509436/VPĐK của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố ngày 11/01/2016. Phiếu chuyển thông tin xác định - nguồn gốc đất do bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp. Sử dụng vào mục đích đất ở trước ngày 15/10/1993. Diện tích trong hạn mức giao đất ở 300m^2, đối tượng nộp tiền theo điểm c khoản 1, Điều 8 Nghị định số: 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Điều 8 quy định: *"Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất có nguồn gốc được giao*

không đúng thẩm quyền trước ngày 01/7/2004.

1. Trường hợp sử dụng đất có nhà ở ổn định khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:

……..

c) Trường hợp thu tiền sử dụng đất có nhà ở ổn định trước ngày 01/7/2004 và không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền sử dụng đất, khi được cấp giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:

*- Trường hợp đất đã được sử dụng **ổn định** trước ngày 15/10/1993, thì thu tiền sử dụng đất bằng 40%, tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích đất trong hạn mức giao đất ở địa phương theo giá đất quy định tại bảng giá đất tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở (nếu có) theo giá đất quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ".*

Đối với diện tích đất 373,5m^2 tại thửa 265, tờ bản đồ số 29 ở số 144, tổ 6 khối 5, phường T3, thành phô B, tỉnh Đắk Lắk, hiện gia đình ông M và bà X đang sử dụng. Căn cứ vào phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính số 1509436/VPĐK ngày 23/5/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B chuyển sang đã xác định đối tượng nộp thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số: 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số: 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

1. Hộ gia đình sử dụng đất có nguồn gốc lấn chiếm hoặc đất được giao, được cho thuê, không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01/7/2004 nhưng nay phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nếu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 9 Điều 210 Luật đất đai thì phải nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá đất quy định tại điểm b điểm c khoản 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Theo xác định của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, thì thửa đất trên có nguồn gốc là đất lấn chiếm, vì vậy Chi cục thuế thành phố B đã ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/5/2016 đối với trường hợp của ông M và bà X là đúng quy định. Sau khi ông M, bà X nhận thông báo thuế đã có đơn khiếu nại, Chi cục thuế đã xác minh về nguồn gốc đất nên đã giải quyết khiếu tại Quyết định số 4037/QĐ-CCT ngày 01/8/2016. Nay ông M, bà X khởi kiện yêu cầu hủy thông báo thuế có liên quan đến phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B - Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Tấn L trình

bày**:**

- Đối với diện tích 670,9m^2 ở tổ dân phố 5, phường T1, thành phố B, tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 29: Căn cứ vào hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông M, bà X gửi Ủy ban nhân dân thành phố B, đề nghị được cấp GCNQSDĐ. Căn cứ vào biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân phường T1 về nguồn gốc đất ông M, bà X quản lý sử dụng và xem xét lại quá trình sử dụng và nguồn gốc đất mà ông M và bà X đang làm thủ tục cấp là do Bộ chỉ huy quân sự không đúng thẩm quyền, vì vậy thửa đất này phải nộp 40% giá trị quyền sử dụng đất là phù hợp.

- Đối với diện tích 373,5 m^2 ở số 144, tổ 6, khối 5, phường T1, thành phố B, tại thửa đất số 265, tờ bản đồ số 29 hiện ông M và bà X đang sử dụng: Theo biên bản xác minh lấy phiếu ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc đất mà Ủy ban nhân dân phường T1 cung cấp thì thửa đất này có nguồn gốc là đất lấn chiếm, nên căn cứ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 45/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì ông M và bà X phải nộp 100% giá trị quyền sử dụng đất.

Ngày 15/6/2016, ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Thị X có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B hủy

+ Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/01/2016 của Chi cục thuế thành phố B.

+ Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 25/5/2016 của Chi cục thuế thành phố B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 06/3/2017, Tòa án nhân dân thành phố B quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Xoa

Tuyên hủy các thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 13/01/2016 và ngày 25/5/2016 của Chi cục thuế thành phố B để Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác định lại nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng của hai thửa đất số 106 và 265, tờ bản đồ số 29, để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 04/5/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị số 285/QĐCNPTHC-P10 với nội dung: Đề nghị hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HCST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2017/HC-PT ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Chấp nhận đơn khiếu kiện của ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Thị X.

Tuyên hủy các thông báo nộp tiền sử dụng đất mã số thuế: 8185738779 ngày 13/01/2016 và mã số thuế: 8185738779 ngày 25/5/2016 của Chi cục thuế thành

phố B để Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác định lại nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng của hai thửa đất số 106 và 265, tờ bản đồ số: 29, để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai theo đúng quy định của pháp luật.

Kiến nghị Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B thu hồi hủy bỏ hai phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố B mã hồ sơ: 1509436/2015 ngày 07/01/2015 và mã hồ sơ: 1509436/2016 (không ngày tháng) nhưng năm 2016.

Tại Quyết định kháng nghị số giám đốc thẩm số 111/QĐKNGĐT-VKS-HC ngày 27/9/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2017/HC-PT ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HC-ST ngày 06/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung,

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm số 111/2018/QĐKNGĐT-VKS-HC ngày 27/9/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguồn gốc thửa đất ông Nguyễn Xuân M và bà Nguyễn Thị X đang sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nguyên là đất do Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk giao và cho phép sử dụng ngày 25/4/1986. Trong đó có 500m^2 được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp để ở và diện tích còn lại là do ông M, bà X xin Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk khai hoang thêm để sản xuất, cải thiện đời sống. Tổng diện tích ông M, bà X được Bộ chỉ huy quân sự giao và cho phép sử dụng là 1.012m^2 ở Tổ dân phố 5, phường T1, thành phố B và đã sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Tại khoản 1, 2, 3 Mục I Nghị định 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước quy định:

1) Toàn bộ ruộng đất trong cả nước đều do Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch và kế hoạch chung nhằm bảo đảm ruộng đất được sử dụng hợp lý, tiết kiệm và phát triển theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2) Quản lý Nhà nước đối với ruộng đất bao gồm các nội dung sau đây:

……..

- Giao đất, thu hồi đất, trưng dụng đất.

……..

3) Hội đồng Chính phủ thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với toàn bộ ruộng đất trong cả nước.

Ủy ban nhân dân các cấp được Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với toàn bộ ruộng đất trong địa phương (kể cả các loại đất đã giao cho các cơ quan Trung ương) theo các chế độ, thể lệ thống nhất của Nhà nước và sự hướng dẫn của cấp trên.

Căn cứ quy định trên, Ban chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp đất cho ông Nguyễn Xuân M là không đúng thẩm quyền.

[2]. Theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định chi tiết về thi hành một số điều, khoản Luật đất đai 2013.

"Điều 23. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đã được giao không đúng thẩm quyền

1. Đất giao không đúng thẩm quyền cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều này bao gồm các trường hợp người đứng đầu điểm dân cư giao đất hoặc ủy ban nhân dân cấp xã giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ; tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng nhưng đã tự phân phối, bố trí cho cán bộ, công nhân viên, xã viên để sử dụng làm nhà ở và các mục đích khác.

2. Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì người đang sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã được giao theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định này.

3. Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Nghị định này.

Trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở hoặc công trình xây dựng khác thì diện tích còn lại không có nhà ở, công trình xây dựng được xác định là đất nông nghiệp theo hiện trạng đang sử dụng, nếu người sử dụng đất đề nghị được chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp thì phải làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất.

……."

Như vậy ông M, bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên, đồng thời phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị dịnh 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định: Thu tiền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01-7-2004:

"Điều 8. Thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở có nguồn gốc được

giao không đúng thẩm quyền trước ngày 01 tháng 7 năm 2004

……..

c) Trường hợp sử dụng đất có nhà ở ổn định trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất, khi được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:

- Trường hợp đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thì thu tiền sử dụng đất bằng 40% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích đất trong hạn mức giao đất ở tại địa phương theo giá đất quy định tại Bảng giá đất tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở (nếu có) theo giá đất quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

……..”

Vì vậy, Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo (không số) nộp tiền sử dụng đất ngày 13/01/2016 xác định ông Nguyễn Xuân M phải nộp 40% giá đất đối với diện tích 670m^2 thuộc thửa đất số 106, tờ bản đồ số 29 và Thông báo (không số) nộp tiền sử dụng đất ngày 25/5/2016 phải nộp 100% giá đất đối với diện tích 373,5m^2 thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ 29 là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 272; Điều 277 và Điều 278 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

1. Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 111/2018/QĐKNGĐT-VKS-HC ngày 27/9/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2017/HC-PT ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2017/HCST ngày 06/3/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- TANDTC-Vụ III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp B;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp B;
- Chi cục THA dân sự Tp B;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng GĐKT I (03 bản), HCTP, LTHS.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Ngọc Hà